

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		244,838,639,521	245,750,149,514
I Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V1	68,863,635,206	56,985,569,611
1 Tiền		111		10,418,160,277	20,225,569,611
2 Các khoản tương đương tiền		112		58,445,474,929	36,760,000,000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		78,470,269,065	127,660,282,919
1 Đầu tư ngắn hạn		121	V2	83,436,477,609	130,196,944,407
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129	V3	(4,966,208,544)	(2,536,661,488)
III Các khoản phải thu ngắn hạn		130		82,874,637,462	48,502,764,693
1 Phải thu khách hàng		131	V4	30,268,777,185	20,073,481,771
2 Trả trước cho người bán		132	V5	51,889,929,521	25,983,434,260
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ hợp đồng		134		-	-
5 Các khoản phải thu khác		135	V6	825,501,996	2,646,149,902
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V7	(109,571,240)	(200,301,240)
IV Hàng tồn kho		140		11,144,054,555	9,839,763,528
1 Hàng tồn kho		141	V8	11,144,054,555	9,839,763,528
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác		150		3,486,043,233	2,761,768,763
1 Chi phí trả trước ngắn hạn		151		303,000,419	178,658,829
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		608,883,278	366,488,273
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V9	1,241,297,800	1,241,297,800
4 Tài sản ngắn hạn khác		158	V10	1,332,861,736	975,323,861



CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		46,313,434,094	51,325,674,447
I Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3 Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4 Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II Tài sản cố định		220		20,032,553,975	23,077,849,723
1 Tài sản cố định hữu hình		221	V11	19,715,874,116	20,481,934,291
<i>Nguyên giá</i>		222		33,582,831,033	29,935,338,335
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(13,866,956,917)	(9,453,404,044)
2 Tài sản cố định thuê tài chính		224	V12	316,058,308	2,278,608,744
<i>Nguyên giá</i>		225		2,218,051,234	5,859,726,300
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		(1,901,992,926)	(3,581,117,556)
3 Tài sản cố định vô hình		227	V13	621,551	11,674,410
<i>Nguyên giá</i>		228		86,197,649	86,197,649
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(85,576,098)	(74,523,239)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V14	-	305,632,278
III Bất động sản đầu tư		240		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		17,198,000,000	17,198,000,000
1 Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác		258	V15	17,198,000,000	17,198,000,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259		-	-
V Lợi thế thương mại		260	V16	6,198,411,606	7,499,243,566
VI Tài sản dài hạn khác		270		2,884,468,513	3,550,581,158
1 Chi phí trả trước dài hạn		271	V17	1,541,981,620	2,565,447,416
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		272	V18	976,167,245	606,251,900
3 Tài sản dài hạn khác		273	V19	366,319,648	378,881,842
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		280		291,152,073,615	297,075,823,961

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		36,862,471,690	36,607,464,346
I Nợ ngắn hạn		310		35,943,692,444	35,540,983,238
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V20	-	198,645,897
2	Phải trả người bán	312	V21	5,488,625,865	4,384,458,933
3	Người mua trả tiền trước	313	V22	586,948,673	458,256,756
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V23	2,654,635,728	4,910,353,668
5	Phải trả người lao động	315	V24	21,890,851,175	18,365,510,844
6	Chi phí phải trả	316	V25	306,049,728	1,801,995,952
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V26	1,412,237,439	858,390,347
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V27	-	125,000,000
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V28	3,604,343,836	4,438,370,841
II Nợ dài hạn		330		918,779,246	1,066,481,108
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333	V29	157,466,500	157,466,500
4	Vay và nợ dài hạn	334	V30	-	258,236,000
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V31	242,115,737	143,448,158
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V32	519,197,009	507,330,450
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		252,584,428,983	259,316,897,756
I Vốn chủ sở hữu		410		252,584,428,983	259,316,897,756
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V33	115,500,000,000	115,500,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V33	108,248,900,000	108,248,900,000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ	414		(16,904,100,720)	(16,904,100,720)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	V33	6,905,188,560	6,417,328,186
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	V33	6,944,978,901	6,466,579,399
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V33	31,889,462,242	39,588,190,891
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1	Nguồn kinh phí	432		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		439	V34	1,705,172,942	1,151,461,859
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		291,152,073,615	297,075,823,961

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5 Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-
Dollar Mỹ (USD)		200.00	200.00
Euro (EUR)		50.82	50.82
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012

Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phượng
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ phường 17 quận Bình Thạnh TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

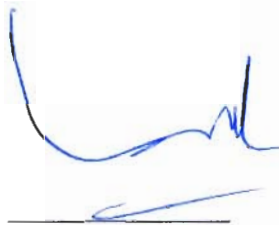
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 4/2011	Quý 4/2010	Quý 4/2011	Quý 4/2010
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01		66,909,241,675	56,295,599,751	240,230,596,235	201,673,551,555
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	10	VI.1	66,909,241,675	56,295,599,751	240,230,596,235	201,673,551,555
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	53,905,226,825	42,657,003,518	195,899,718,955	163,812,812,624
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		13,004,014,850	13,638,596,233	44,330,877,280	37,860,738,931
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,613,343,592	9,675,106,893	14,159,836,232	23,552,444,330
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,115,765,651	1,314,235,967	10,901,306,661	7,594,874,057
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		301,724	-	26,835,874	1,821,529,756
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,432,978,102	1,060,236,632	4,708,292,581	3,186,519,193
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8,029,640,416	6,083,551,754	27,656,879,760	24,029,646,903
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,038,974,273	14,855,678,773	15,224,234,510	26,602,143,108
11. Thu nhập khác	31	VI.7	154,574,382	32,624,162	2,159,663,851	206,472,942
12. Chi phí khác	32	VI.8	9,467,258	634,683,108	850,564,513	800,891,025
13. Lợi nhuận khác	40		145,107,124	(602,058,946)	1,309,099,338	(594,418,083)
14. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45				-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,184,081,397	14,253,619,827	16,533,333,848	26,007,725,025
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	504,452,200	2,976,562,052	4,635,826,831	6,118,120,747
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(3,807,396)	(145,869,658)	(369,915,346)	(180,741,424)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5,683,436,593</u>	<u>11,422,927,433</u>	<u>12,267,422,363</u>	<u>20,070,345,702</u>
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		245,750,583	(134,300,699)	519,183,248	47,381,781
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		5,437,686,010	11,557,228,132	11,748,239,115	20,022,963,921
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>515</u>	<u>876</u>	<u>1,114</u>	<u>1,983</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012


Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phương
Kế toán trưởngNguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý IV/2011	Quý IV/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16,620,664,560	26,007,725,025
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4,403,126,397	4,090,340,278
- Các khoản dự phòng	03		2,429,547,056	1,858,217,213
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(83,323,852)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6,663,984,141)	(10,064,786,937)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1,187,756,133	1,821,529,756
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17,977,110,005	23,629,701,483
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26,236,388,094)	(26,142,876,173)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,304,291,027)	(4,135,192,913)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2,522,660,590	21,241,304,004
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		899,124,206	1,289,642,215
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,185,006,133)	(114,032,534)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6,573,573,774)	(6,365,470,498)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,880,284,408	2,147,569,527
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5,813,020,657)	(8,688,111,672)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17,833,100,476)	2,862,533,439
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,195,585,752)	(3,360,633,171)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		549,000,000	177,316,175
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(80,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		80,000,000,000	13,837,440,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(66,731,245,000)	(7,948,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		23,184,846,470	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,185,528,979	7,487,470,762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		45,992,544,697	(69,806,406,234)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý IV/2011	Quý IV/2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	57,750,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(16,904,100,720)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	489,300,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(120,795,325)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(456,881,897)	(953,559,535)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15,825,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16,281,881,897)	40,260,844,420
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11,877,562,324	(26,683,028,375)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	56,985,569,611	83,666,276,875
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		503,271	2,321,111
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	68,863,635,206	56,985,569,611

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012

Bùi Xuân Tường
Người lập bảngTrần Anh Phương
Kế toán trưởngNguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý IV/2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình (công ty mẹ) và các công ty con.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MẸ VÀ CÁC CÔNG TY CON

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Đại lý ký gửi hàng hóa; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Mua bán dụng cụ thiết bị ngành công nghiệp – lâm nghiệp – xây dựng; Dịch vụ thương mại; Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp, hàng điện tử (không rèn đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn); Si mạ điện; Tái chế phế thải tại trụ sở; Dịch vụ sửa chữa nhà; Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; Cho thuê xe ô tô.

- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Tầng 3, số 1C Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	100%	100%
Công ty cổ phần thương mại Pan	236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	80%	80%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình	236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có khoảng 4.488 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn. Quý IV/2011, không thấy có sự biến động số lượng nhân viên đang làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Từ tháng 3 năm 2010, Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình đã chuyển giao hoạt động kinh doanh dịch vụ vệ sinh cũng như chuyển nhượng tài sản, công cụ dụng cụ liên quan đến hoạt động dịch vụ vệ sinh cho Công ty con - Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình.

Trong năm 2011, Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình đã làm thủ tục đổi giấy ĐKKD tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 VND lên 115.500.000.000 VND tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 thông qua các nội dung trong đó có nội dung giảm ngành đăng ký kinh doanh là đại lý phát hành sách báo và cho thuê máy móc thiết bị.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty mẹ và các công ty con sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty thực hiện hợp nhất, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của cổ đông công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.7.

9. Tài sản thuê loại động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 03 đến 05 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi các công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành hàng hóa

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của các công ty được ước tính 1,5% trên doanh thu các hàng hóa có yêu cầu bảo hành.

17. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của công ty mẹ và các công ty con bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty

18. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

31/12/2011 : 21.030 VND/USD

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	620.070.402	794.927.165
Tiền gửi ngân hàng	9.798.089.875	19.430.642.446
Các khoản tương đương tiền (*)	58.445.474.929	36.760.000.000
Cộng	<u>68.863.635.206</u>	<u>56.985.569.611</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn còn của Hà Nội

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (a)		45.704.361.453		50.196.944.407
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	191.660	8014.494.050	136.000	5.915.104.410

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
- Công ty cổ phần địa ốc An Lạc (*)	900.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
- Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long (*)	92.400	3.500.000.000	92.400	3.500.000.000
- Công ty cổ phần Đại Nam (*)	47.000	4.700.000.000	47.000	4.700.000.000
- Công ty cổ phần Hùng Vương	420.000	8.232.584.725	-	-
- Công ty cổ phần Long Hậu	102.200	4.889.257.216	76.280	4.600.486.608
- CTCP ĐT&PT CN điện tử viễn thông	11	566.946	319.711	15.627.490.980
- Công ty cổ phần FPT	-	-	100.000	6.830.656.180
- Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	-	960	22.902.019
- CTCP XNK Thủy sản An Giang	131.000	2.922.969.278	-	-
- CTCP SXKD XNK Bình Thạnh	155.000	4.445.056.184	-	-
- CTCP Đại lý liên hiệp vận chuyển	6	304.210	6	304.210
Trái phiếu ngắn hạn – CTCP CK SG ^(b)	-	-	80.000	80.000.000.000
Hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư	-	37.731.245.000	-	-
Cộng		83.436.477.609		130.196.944.407

(*) Cổ phiếu các công ty chưa niêm yết.

(a) Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre:
 - Mua 57.210 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.164.204.766 VND.
 - Bán 1.550 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 64.815.126
- Cổ phiếu CTCP XNK Thủy sản An Giang:
 - Mua 141.570 CP giá mua 3.125.818.166 VND
 - Bán 10.570 CP với giá trị tương ứng là 202.848.888 VND
- Cổ phiếu CTCP văn hoá Tân Bình:
 - Mua 800 CP giá mua 9.859.680 VND
 - Bán 800 CP với giá trị tương ứng là 9.859.680 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc:
 - Mua 65.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.467.429.000 VND.
 - Bán 65.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là: 1.467.429.000 VND.
- Cổ phiếu Tổng CTCP Khoan và DV khoan dầu khí:
 - Mua 10.000 CP giá mua 447.894.000 VND
 - Bán 10.000 CP giá trị 447.894.000 VND
- Cổ phiếu Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Việt Nam:
 - Mua 55.100 CP giá mua 1.773.289.500 VND
 - Bán 55.100 CP giá trị 1.773.289.500 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn:
 - Mua 659.040 cổ phiếu với giá trị mua và chi phí mua: 19.680.261.960 VND.
 - Bán 660.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là: 19.703.163.979 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Hùng Vương:
 - Mua 1.390.650 cổ phiếu với giá trị mua và chi phí mua: 26.641.836.316 VND.
 - Bán 970.650 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 18.409.251.591 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Vincom:
 - Mua 2.000 cổ phiếu với giá trị mua và chi phí mua: 212.424.000 VND.
 - Bán 2.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 212.424.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông:
 - Bán 319.700 cổ phiếu với giá trị tương ứng là: 15.626.924.034 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần FPT:
 - Mua 70.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 4.368.720.000 VND.
 - Bán 170.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là: 11.198.041.380 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh:
 - Mua 155.150 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 4.449.350.940 VND.
 - Bán 150 cổ phiếu với giá trị tương ứng là: 4.294.756 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Gemandep:
 - Mua 55.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.612.137.840 VND.
 - Bán 55.000 cổ phiếu với giá giá trị tương ứng là 1.612.137.840 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai:
 - Mua 75.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.641.171.800 VND.
 - Bán 75.000 cổ phiếu với giá giá trị tương ứng là 2.641.171.800 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán TP. HCM:
 - Mua 10.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 288.576.000 VND.
 - Bán 10.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 288.576.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần tập đoàn Hoà Phát:
 - Mua 120.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 3.489.927.924 VND.
 - Bán 120.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.489.927.924 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Kim Long:
 - Mua 200.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.134.260.000 VND.
 - Bán 200.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 32.134.260.000 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Long Hậu:
 - Mua 25.950 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 290.579.924 VND.
 - Bán 30 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.809.316 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội:
 - Mua 500 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 7.264.500 VND.
 - Bán 500 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 7.264.500 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Minh Phú:
 - Mua 10.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 217.734.600 VND.
 - Bán 10.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 217.734.600 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận:
 - Mua 100.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 2.572.959.648 VND.
 - Bán 100.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 2.572.959.648 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Thiết Bị Bưu Điện:
 - Mua 5.300 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 54.969.720 VND.
 - Bán 5.300 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 54.969.720 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông:
 - Mua 112.100 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.802.673.150 VND.
 - Bán 112.100 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.802.673.150 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE:
 - Mua 230.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.913.812.000 VND.
 - Bán 230.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.913.812.000 VND
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:
 - Mua 135.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.808.602.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Mua 135.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.808.602.000 VND.

(b) Trái phiếu được mua theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu chuyển đổi giữa Công ty với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn ngày 16 tháng 3 năm 2010 với một số nội dung chủ yếu như sau:

- Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 VND.
- Kỳ hạn phát hành 12 tháng.
- Lãi suất định kỳ 4%/năm.
- Giá chuyển đổi được xác định là 85% giá thị trường tại thời điểm phát hành (72.250 VND) kèm theo điều kiện chống pha loãng.
- Phương thức trả gốc: trả gốc một lần vào ngày phát hành của năm đáo hạn trái phiếu trong trường hợp trái chủ không thực hiện quyền chuyển đổi.
- Phương thức trả lãi: trả lãi 01 lần vào ngày phát hành của năm đáo hạn trái phiếu.

Trong kỳ, Công ty không chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, và thu hồi tiền đầu tư cùng với trái tức.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	2.536.661.488
Trích lập dự phòng bổ sung	2.429.547.056
Số cuối kỳ	4.966.208.544

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình	5.614.271.801	4.687.626.286
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình	15.245.233.441	10.267.706.873
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	5.202.723.282	4.304.206.253
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	4.026.548.661	813.942.359
Cộng	30.268.777.185	20.073.481.771

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình	50.322.820.675	25.277.244.108
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình	842.088.530	606.452.401
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	57.940.048	44.361.000
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	667.080.268	55.376.751
Cộng	51.889.929.521	25.983.434.260

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn - lãi dự thu của trái phiếu đầu tư ngắn hạn	367.211.321	2.400.000.000
Các khoản khác	458.290.675	246.149.902
Cộng	825.501.996	2.646.149.902

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	56.252.000	56.252.000
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	53.319.240	144.049.240
Cộng	<u>109.571.240</u>	<u>200.301.240</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	200.301.240
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(90.730.000)
Số cuối năm	<u>109.571.240</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.422.535.887	2.671.235.305
Công cụ, dụng cụ	82.480.063	132.250.270
Hàng hóa	5.639.038.605	7.036.277.953
Cộng	<u>11.144.054.555</u>	<u>9.839.763.528</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (xem thêm thuyết minh số V.23).

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	467.906.299	368.288.861
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	864.955.437	607.035.000
Cộng	<u>1.332.861.736</u>	<u>975.323.861</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.711.239.480	8.964.516.248	5.331.504.874	928.077.733	29.935.338.335
Mua sắm mới		1.523.658.174	767.716.364	36.508.559	2.327.883.097
Phân loại lại		3.553.461.371			3.553.461.371
Thanh lý, nhượng bán	(355.339.981)		(1.878.511.789)		(2.233.851.770)
Số cuối kỳ	<u>14.355.899.499</u>	<u>14.041.635.793</u>	<u>4.220.709.449</u>	<u>964.586.292</u>	<u>33.582.831.033</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	386.370.000	-	386.370.000
---------------------------------------	---	---	-------------	---	-------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	2.323.342.234	3.550.857.348	2.987.465.843	591.738.619	9.453.404.044
------------	---------------	---------------	---------------	-------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Khấu hao trong năm	1.278.708.707	2.153.292.587	378.819.901	194.951.504	4.005.772.699
Phân loại lại		1.848.690.983			1.848.690.983
Thanh lý	(76.753.436)		(1.364.157.373)		(1.440.910.809)
Số cuối kỳ	<u>3.525.297.505</u>	<u>7.552.840.918</u>	<u>2.002.128.371</u>	<u>786.690.123</u>	<u>13.866.956.917</u>
					-
Giá trị còn lại					-
Số đầu năm	12.387.897.246	5.413.658.899	2.344.039.031	336.339.114	20.481.934.291
Số cuối kỳ	<u>10.830.601.994</u>	<u>6.488.794.875</u>	<u>2.218.581.078</u>	<u>177.896.169</u>	<u>19.715.874.116</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc và thiết bị dịch vụ vệ sinh. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	5.859.726.300	4.646.711.194	3.813.551.296
Tăng trong năm		386.300.839	
Chuyển sang loại tài sản, dụng cụ	(3.641.675.066)	(2.065.425.469)	
Số cuối kỳ	<u>2.218.051.234</u>	<u>1.901.992.926</u>	<u>316.058.308</u>

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	86.197.649	74.523.239	11.674.410
Tăng trong năm		11.052.859	
Số cuối kỳ	<u>86.197.649</u>	<u>85.576.098</u>	<u>621.551</u>

14. Chi phí xây dựng dở dang

Chi phí mua máy móc thiết bị trong quá trình hình thành.

15. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn cổ phiếu. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần đầu tư bất động sản chứng khoán Sài Gòn	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần Việt Tín	4.968	4.698.000.000	4.968	4.698.000.000
Công ty cổ phần cơ - điện - môi trường Lilama	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
Cộng		<u>17.198.000.000</u>		<u>17.198.000.000</u>

16. Lợi thế thương mại

Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình cho rằng giá trị sổ sách của Công ty TNHH Liên Thái Bình tại ngày mua là giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch giữa giá mua với giá trị hợp lý tại ngày mua là lợi thế thương mại và được phân bổ trong 10 năm. Chi tiết như sau:

Giá trị lợi thế thương mại	13.008.319.600
----------------------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số đã phân bổ	
- Số phân bổ đầu năm	(5.509.076.034)
- Số phân bổ trong kỳ	(1.300.831.960)
- Lũy kế số phân bổ cuối kỳ	(6.809.907.994)
Số còn phải phân bổ cuối kỳ	6.198.411.606

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	2.413.007.014	1.492.729.706	(2.728.405.570)	1.177.331.150
Chi phí khác	152.440.402	727.643.486	(515.433.418)	364.650.470
Cộng	2.565.447.416	2.220.373.192	(3.243.838.988)	1.541.981.620

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	606.251.900
Phát sinh trong năm	472.221.870
Hoàn nhập trong năm	(102.306.525)
Số cuối kỳ	976.167.245

19. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.29)	-	163.104.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (*)	-	35.541.897
Cộng	-	198.645.897

(*) Nợ thuê tài chính đến hạn trả cho Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	163.104.000	-	(163.104.000)	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	35.541.897	-	(35.541.897)	-	-
Cộng	198.645.897	-	(198.645.897)	-	-

21. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình	918.885.438	371.317.403
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình	1.876.054.946	1.812.888.706
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	363.018.070	288.815.802
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	2.330.667.411	1.911.437.022
Cộng	5.488.625.865	4.384.458.933

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình	-	321.932.543
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình	8.096.855	27.244.003
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	60.669	-
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	578.791.149	109.080.210
Cộng	<u>586.948.673</u>	<u>458.256.756</u>

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.717.300.767	19.496.318.387	(19.005.965.251)	2.207.653.903
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.983.835	1.005.750.039	(962.867.038)	46.866.836
Thuế xuất, nhập khẩu	3.744.297	702.314.810	(704.605.442)	1.453.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.837.723.119	3.741.172.339	(6.573.573.774)	(994.678.316)
Phạt nộp chậm thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	106.303.850	961.588.206	(915.850.216)	152.041.840
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Cộng	<u>3.669.055.868</u>	<u>25.916.143.781</u>	<u>(28.171.861.721)</u>	<u>1.413.337.928</u>

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm bao gồm:

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Số phải nộp	246.619.484	3.079.020.919
- Số nộp thừa	(1.241.297.800)	(1.241.297.800)
Cộng	<u>(994.678.316)</u>	<u>1.837.723.119</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp chế xuất:	0%
- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp khác:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm như sau:

- Tại Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình	-
- Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình	2.608.040.120

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	1.133.132.219
- Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	-
Cộng	3.741.172.339

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

24. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 còn phải trả và trích trước phải trả lương tháng 13 công nhân viên.

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi trả chậm hợp đồng mua chứng khoán - Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn		1.707.497.222
Chi phí phải trả khác	306.049.728	94.498.730
Cộng	306.049.728	1.801.995.952

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	683.747.240	536.507.405
Bảo hiểm xã hội	426.177.219	122.066.182
Bảo hiểm thất nghiệp	121.694.133	119.263.340
Phải trả, phải nộp khác	180.618.847	80.553.420
Cộng	1.412.237.439	858.390.347

27. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Khoản trích trước chi phí bảo hành sản phẩm tại Công ty cổ phần thương mại Pan.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	4.438.370.841
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.673.730.157
Tăng khác	-
Chi quỹ trong năm	(3.507.757.161)
Số cuối kỳ	3.604.343.836

29. Phải trả dài hạn khác

Là khoản tiền thế chân của cán bộ, công nhân viên.

30. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	-	258.236.000
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	-	258.236.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
-------------------	--	----------------------	--------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	258.236.000	-	258.236.000	-
Nợ dài hạn	-	-	258.236.000	-
Cộng	258.236.000	-	258.236.000	-

31. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	143.448.158
Phát sinh trong năm	98.657.579
Số cuối kỳ	242.115.737

32. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	507.330.450
Số trích lập bổ sung	150.000.000
Số đã chi	(138.133.441)
Số cuối kỳ	519.197.009

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.550.000	11.550.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.550.000	11.550.000
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.550.000	11.550.000
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.000.000	1.000.000
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.000.000	1.000.000
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.550.000	10.550.000
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.550.000	10.550.000
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của các Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của các Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

34. Lợi ích của cổ đông thiểu số

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con, Công ty CP Thương mại Pan.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	240.230.596.235	201.673.551.555
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>14.241.592.924</i>	<i>10.817.513.162</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>225.989.003.311</i>	<i>190.856.038.393</i>
Các khoản giảm trừ	-	-
Cộng	<u>240.230.596.235</u>	<u>201.673.551.555</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	8.029.888.020	6.521.604.254
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	187.869.830.935	157.291.208.370
Cộng	<u>195.899.718.955</u>	<u>163.812.812.624</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.180.543.633	2.819.778.762
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	361.550.940	616.310.406
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.782.915.000	4.667.692.000
Lãi hoạt động đầu tư tài chính	800.000.000	15.258.905.212
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.826.659	106.434.098
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	83.323.852
Cộng	<u>14.159.836.232</u>	<u>23.552.444.330</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.061.532.532	1.821.529.756
Chi phí lãi thuê tài chính	1.165.445	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	275.853.948	759.862.744
Chi phí hoạt động đầu tư tài chính	296.041.248	1.101.388.642
Lỗ hoạt động đầu tư ngắn hạn	6.677.966.322	2.069.947.702
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.588.747.166	1.842.145.213
Cộng	<u>10.901.306.661</u>	<u>7.594.874.057</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.137.048.471	1.112.405.288
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.991.587	49.816.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	3.100.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.234.089.177	1.140.467.059

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	1.297.163.346	880.730.272
Cộng	<u>4.708.292.581</u>	<u>3.186.519.193</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.067.592.455	12.083.790.937
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.573.506.056	1.037.813.627
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.930.571.792	2.018.214.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.868.716.311	5.555.727.494
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.300.831.960	1.300.831.960
Chi phí khác	2.915.661.186	2.033.268.377
Cộng	<u>27.656.879.760</u>	<u>24.029.646.903</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.533.066.647	177.316.175
Thu nhập từ bán và thuê lại tài sản	627.597.204	29.156.767
Cộng	<u>2.159.663.851</u>	<u>206.472.942</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp thuế		610.794.000
Các khoản khác	850.564.513	190.097.025
Cộng	<u>850.564.513</u>	<u>800.891.025</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là các khoản chênh lệch thuế TNDN hiện hành tạm thời được khấu trừ và các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.748.239.115	20.022.963.921
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.748.239.115	20.022.963.921
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm ^(*)	10.550.000	10.096.147
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.114</u>	<u>1.983</u>

^(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.550.000	7.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 4/2010		284.063
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 5/2010		700.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 5/2010		2.314.167
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua lại tháng 10/2010		(106.250)
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua lại tháng 11/2010		(95.833)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>10.550.000</u>	<u>10.096.147</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng của Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong kỳ, Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình đã thuê nhà của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với số tiền là 560.348.870 VND. Trong kỳ, Công ty cũng điều chỉnh thời gian thuê nhà của các thành viên quản lý chủ chốt lên 25 năm.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.320.000.000	2.633.286.000
Tiền thưởng	384.495.327	99.250.000
Cộng	<u>2.704.495.327</u>	<u>2.732.536.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	Bà Hà Thị Thanh Vân - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình là vợ ông Nguyễn Hồng Nam - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn; Ông Nguyễn Văn Khải – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban kiểm soát SSI

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty mẹ và các công ty con với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả tiền mua cổ phiếu	25.000.000.000	25.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua trái phiếu chuyển đổi	-	80.000.000.000
Cho thuê văn phòng	383.309.140	-
Phí trả chậm mua cổ phiếu	1.036.163.827	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền mua cổ phiếu	50.100.000.000	25.100.000.000
Công nợ phải thu DV cho thuê	36.036.154	-
Phải thu lãi trái phiếu	367.211.321	2.400.000.000
Cộng nợ phải thu	50.503.247.475	27.601.103.145
Chi phí tài chính phải trả	2.750.000	1.707.497.222
Cộng nợ phải trả	2.750.000	1.707.497.222

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các Công ty trong Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012

Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phượng
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70,000,000,000	96,000,000,000	-	5,697,345,752	5,746,596,965	23,621,549,739	201,065,492,456
Lợi nhuận trong năm						20,022,963,921	20,022,963,921
Trích lập các quỹ trong năm				719,982,434	719,982,434	(4,056,322,769)	(2,616,357,901)
Tăng vốn từ thặng dư	7,000,000,000	(7,000,000,000)					-
Phát hành cổ phiếu	38,500,000,000	19,250,000,000					57,750,000,000
Chi phí phát hành cổ phiếu		(1,100,000)					(1,100,000)
Chia cổ tức trong năm							-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành			(16,904,100,720)				(16,904,100,720)
Số dư cuối năm trước	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	6,417,328,186	6,466,579,399	39,588,190,891	259,316,897,756
Số dư đầu năm nay	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	6,417,328,186	6,466,579,399	39,588,190,891	259,316,897,756
Lợi nhuận trong năm						11,748,239,115	11,748,239,115
Trích lập các quỹ trong năm				487,860,374	478,399,502	(3,621,967,764)	(2,655,707,888)
Tăng vốn từ thặng dư							-
Phát hành cổ phiếu							-
Chi phí phát hành cổ phiếu							-
Chia cổ tức trong năm						(15,825,000,000)	(15,825,000,000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành							-
Số dư cuối năm nay	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	6,905,188,560	6,944,978,901	31,889,462,242	252,584,428,983



Bùi Xuân Tường
Người lập bảng



Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận the khu vực địa lý:

	<u>Khu vực Miền Nam</u>	<u>Khu vực Miền Trung</u>	<u>Khu vực Miền Bắc</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	176,288,687,794	11,169,061,892	52,772,846,549	-	240,230,596,235
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	176,288,687,794	11,169,061,892	52,772,846,549	-	240,230,596,235
Chi phí bộ phận	(160,645,125,223)	(10,440,320,773)	(48,833,836,127)	-	(219,919,282,123)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15,643,562,571	728,741,119	3,939,010,422	-	20,311,314,112
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(8,345,609,173)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					11,965,704,939
Doanh thu hoạt động tài chính					14,159,836,232
Chi phí tài chính					(10,901,306,661)
Thu nhập khác					2,159,663,851
Chi phí khác					(850,564,513)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4,635,826,831)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					369,915,346
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					12,267,422,363
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	4,548,256,289
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	(7,635,912,526)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Khu vực Miền Nam	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Bắc	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	144,456,316,772	8,955,056,793	48,262,177,990	-	201,673,551,555
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	144,456,316,772	8,955,056,793	48,262,177,990	-	201,673,551,555
Chi phí bộ phận	(130,960,194,982)	(8,104,123,929)	(42,260,608,149)	-	(181,324,927,060)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13,496,121,790	850,932,864	6,001,569,841	-	20,348,624,495
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(9,704,051,660)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					10,644,572,835
Doanh thu hoạt động tài chính					23,552,444,330
Chi phí tài chính					(7,594,874,057)
Thu nhập khác					206,472,942
Chi phí khác					(800,891,025)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(6,118,120,747)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					180,741,424
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					20,070,345,702
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	3,360,633,171
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	7,771,413,075
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012

Betrum

Bùi Xuân Tường
 Người lập bảng

Trần Anh Phương

Trần Anh Phương
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
 Tổng Giám đốc